

Số: /QĐ-UBND

Ninh Thuận, ngày tháng năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính thay thế trong lĩnh vực  
Phòng chống tham nhũng thuộc phạm vi quản lý nhà nước của  
Thanh tra tỉnh Ninh Thuận**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NINH THUẬN**

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;*

*Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ quy định về kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Quyết định số 70/QĐ-TTCP ngày 08/3/2021 của Tổng Thanh tra Chính phủ về việc công bố thủ tục hành chính được thay thế trong lĩnh vực phòng chống tham nhũng thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Thanh tra Chính phủ;*

*Xét đề nghị của Chánh Thanh tra tỉnh tại Tờ trình số 25/TTr-TTT ngày 30/3/2021 và ý kiến của Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh tại Báo cáo số /BC-VPUB ngày tháng năm 2021.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính trên lĩnh vực phòng chống tham nhũng thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Thanh tra tỉnh Ninh Thuận.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Bãi bỏ danh mục thủ tục hành chính trong lĩnh vực phòng chống tham nhũng quy định tại Quyết định số 834/QĐ-UBND ngày 23/5/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Chánh Thanh tra tỉnh; Thủ trưởng các Sở, ban, ngành thuộc tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Thanh tra Chính phủ;
- Cục Kiểm soát TTHC (VPCP);
- Chủ tịch, các PCT.UBND tỉnh;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- TT CNTT và TT (Sở TTTT);
- VPUB: LĐ, TCDNC;
- Lưu: VT, TTPVHCC.

CT

**CHỦ TỊCH**



**Trần Quốc Nam**

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC THAY THẾ TRÊN LĨNH VỰC PHÒNG CHỐNG THAM NHŨNG THUỘC PHẠM VI QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC CỦA THANH TRA TỈNH NINH THUẬN**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)*

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian thực hiện thủ tục hành chính	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
1	Thủ tục kê khai tài sản, thu nhập	<p>1. Thời điểm hoàn thành kê khai lần đầu:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Người đang giữ vị trí công tác quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều 34 của Luật PCTN phải hoàn thành việc kê khai trước ngày 31/3/2021 (theo hướng dẫn tại công văn số 252/TTCP-C.IV ngày 19/02/2021 của Thanh tra Chính phủ).</li> <li>- Người lần đầu giữ vị trí công tác quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều 34 Luật PCTN phải hoàn thành việc kê khai chậm nhất là 10 ngày kể từ ngày được tiếp nhận, tuyển dụng, bổ trí vào vị trí công tác.</li> </ul> <p>2. Thời điểm hoàn thành việc kê khai bổ sung:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Khi người có nghĩa vụ kê khai có biến động về tài sản, thu nhập trong năm có giá trị từ 300.000.000 đồng trở lên. Việc kê khai phải hoàn thành trước ngày 31 tháng 12 của năm có biến động về tài sản, thu nhập.</li> </ul> <p>3. Thời điểm hoàn thành việc kê khai hằng năm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Người giữ chức vụ từ Giám đốc sở và tương đương trở lên; người làm công tác tổ chức cán bộ, quản lý tài chính công, tài sản công, đầu tư công hoặc trực tiếp tiếp xúc và giải quyết công việc của cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân khác theo quy định của Chính phủ phải hoàn thành việc kê khai trước ngày 31 tháng 12 hàng năm.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Các cơ quan hành chính nhà nước từ cấp tỉnh đến cấp xã;</li> <li>- Các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc cơ quan hành chính nhà nước;</li> <li>- Các doanh nghiệp nhà nước thuộc tỉnh.</li> </ul>	Không quy định	Quyết định số 70/QĐ-TTCP ngày 08/3/2021 của Thanh tra Chính phủ

		<p>4. Thời điểm hoàn thành việc kê khai phục vụ công tác cán bộ:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Người có nghĩa vụ kê khai quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều 34 của Luật PCTN 2018 khi dự kiến bầu, phê chuẩn, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, cử giữ chức vụ khác phải hoàn thành kê khai chậm nhất là 10 ngày trước ngày dự kiến bầu, phê chuẩn, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, cử giữ chức vụ khác;</li> <li>- Người có nghĩa vụ kê khai theo quy định tại khoản 4 Điều 34 của Luật PCTN 2018 việc kê khai được thực hiện theo quy định của pháp luật về bầu cử</li> </ul>			
2	Thủ tục xác minh tài sản, thu nhập	Không quá 115 ngày (trong đó thời hạn xác minh là 45 ngày, trường hợp phức tạp thì thời hạn có thể kéo dài nhưng không quá 90 ngày; thời hạn ban hành kết luận là 10 ngày, trường hợp phức tạp có thể kéo dài nhưng không quá 20 ngày; thời hạn công khai kết luận là 05 ngày làm việc)	Cơ quan kiểm soát tài sản thu nhập được quy định tại Điều 30 Luật PCTN 2018	Không quy định	Quyết định số 70/QĐ-TTCT ngày 08/3/2021 của Thanh tra Chính phủ
3	Thủ tục tiếp nhận yêu cầu giải trình	Thời hạn ra thông báo tiếp nhận hoặc từ chối giải trình là 05 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận yêu cầu giải trình	Cơ quan, tổ chức, đơn vị khu vực nhà nước	Không quy định	Quyết định số 70/QĐ-TTCT ngày 08/3/2021 của Thanh tra Chính phủ
4	Thủ tục thực hiện việc giải trình	Thời hạn thực hiện việc giải trình không quá 15 ngày kể từ ngày ra thông báo tiếp nhận yêu cầu giải trình. Trường hợp có nội dung phức tạp thì có thể gia hạn 01 lần, thời gian gia hạn không quá 15 ngày và phải thông báo bằng văn bản đến người yêu cầu giải trình.	Cơ quan, tổ chức, đơn vị khu vực nhà nước	Không quy định	Quyết định số 70/QĐ-TTCT ngày 08/3/2021 của Thanh tra Chính phủ